

Số: 61/2021/QĐST-HNGĐ

*Quận X, ngày 04 tháng 02 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X, THÀNH PHỐ Y**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 361 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 và Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 21/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông Trần Anh H, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Số 31 đường D, phường B, Quận X, Thành phố Y.

Bà Nguyễn T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Khu Chung cư L, khối C, phường V, Thành phố T, tỉnh N.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ông Trần Anh H và bà Nguyễn T tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bến Thành, Quận X, Thành phố Y theo Giấy chứng nhận kết hôn số 63, ngày 26 tháng 6 năm 2018 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[2] Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 27 tháng 01 năm 2021, bà Nguyễn T và ông Trần Anh H thỏa thuận:

[3] Về quan hệ hôn nhân: và Ông Trần Anh H bà Nguyễn T thuận tình ly hôn.

[4] Về con chung: Giao 01 con chung tên Trần Nguyễn Thiên A, sinh ngày 23 tháng 5 năm 2018 cho bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng bé. Về cấp dưỡng nuôi con bà yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 (hai triệu đồng)/tháng bắt đầu từ tháng 02 năm 2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Xét thấy, hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, Căn cứ Điều 55 và Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[7] Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Anh H và bà Nguyễn T cùng chịu lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Anh H và bà Nguyễn T thuận tình ly hôn.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 63, ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân phường B, Quận X, Thành phố Y)

- Về con chung: Giao 01 con chung tên Trần Nguyễn Thiên A, sinh ngày 23 tháng 5 năm 2018 cho bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng bé. Về cấp dưỡng nuôi con bà yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 (hai triệu đồng)/tháng bắt đầu từ tháng 02 năm 2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của cha mẹ.

Vì quyền lợi của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng hoặc người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên khai không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn T và ông Trần Anh H phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0030330 ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố Y. Bà Nguyễn T và ông Trần Anh H đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

## **THẨM PHÁN**

**Ngô Thị Phúc Hảo**

